

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST  
Ngày 11 tháng 5 năm 2022  
*V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tường.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Lê Truyền Bình.**

**2. Ông Đặng Công Tâm**

***Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Quỳnh Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Công ty B.**

Địa chỉ: 11 Nguyễn T, phường Hòa T, quận H, thành phố Đ.

***Người đại diện theo ủy quyền***: Ông **Bùi Thế P.** Chức vụ: Phó Giám đốc công ty. (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 02/UQBTH ngày 01 tháng 01 năm 2022).

**\* Bị đơn: Công ty L. (vắng mặt)**

Trụ sở: 35 Hai Bà T, phường L, thành phố Q, tỉnh Q.

***Người đại diện theo pháp luật***: ông **Nguyễn Ngọc T**

Nơi ĐKKHKT: thôn Đồng Nhon N, xã T, huyện S, tỉnh Q.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Công ty T trình bày:

Ngày 04.3.2020 Công ty T (sau đây gọi tắt là B) có ký hợp đồng số 08/HĐNT/LICOGIQN-BTH về việc cung cấp thép xây dựng cho Công ty L (sau đây gọi tắt là L) để thi công công trình. Mặc dù hợp đồng có thỏa thuận về việc bên mua tức L phải phát hành chứng thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng bên mua không phát hành chứng thư. Dù vậy nhưng B vẫn thực hiện hợp đồng và đã cung cấp thép cho Công ty L.

Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty L còn nợ Công ty B số tiền là 295.089.497đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 261.516.935đồng.

Nợ lãi: 33.572.562đồng (tính từ ngày 18.7.2020 đến ngày 17.12.2021)

Số nợ trên đã quá hạn thanh toán quá lâu, Công ty B đã nhiều lần yêu cầu Công ty L thanh toán toàn bộ số công nợ và lãi phát sinh nhưng Công ty L vẫn chây ì không trả.

Nay Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty L thanh toán toàn bộ số nợ trên cho công ty.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc là 261.516.935 đồng và thay đổi số nợ lãi. Cụ thể yêu cầu L trả nợ lãi phát sinh tính từ ngày 01.01.2021 đến ngày 11.5.2022 theo mức lãi suất 9%/năm với số tiền cụ thể là 32.673.854đ.

*\* Đối với bị đơn là Công ty L trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Tại điều 5 của hợp đồng số 08/HĐNT/LICOGIQN-BTH ngày 04 tháng 3 năm 2020, các bên tham gia giao dịch lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Do đó tranh chấp giữa Công ty B với Công ty cổ phần L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc là 261.516.935 đồng, HĐXX thấy rằng:

Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2020, hợp đồng số 08/HĐNT/LICOGIQN-BTH ngày 04.3.2020 là có cơ sở để xác định Công ty cổ phần L còn nợ Công ty B số tiền mua hàng như nêu trên nhưng chưa trả. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các quy định tại điều 50 Luật thương mại, điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Công ty B về việc yêu cầu Công ty L phải trả số nợ lãi là 32.673.854 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mức lãi suất, thời gian tính lãi mà Công ty B dùng làm căn cứ tính lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu là 14.709.539đ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 7.377.237đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 24, 50 Luật Thương mại;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Công ty B đối với Công ty L.

Tuyên xử: Buộc Công ty L phải trả cho Công ty B số tiền 294.190.789đ (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm chín mươi ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng). Trong đó có 261.516.935đ (hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi ba đồng) nợ gốc, 32.673.854đ (ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi tư đồng) nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty B có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty L không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.709.539đ (mười bốn triệu bảy trăm lẻ chín ngàn năm trăm ba mươi chín đồng) Công ty L phải chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí là 7.377.237 đồng ( bảy triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng ) đã nộp theo biên lai thu số 0592 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Truyền Bình**

**Đặng Công Tâm**

**Phạm Khắc Tường**

**Nơi nhận:**

- TANDTP Đà Nẵng
- VKSNDQ. Hải Châu
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THSDS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Khắc Tường**